

TÒA ÁN ND HUYỆN VÕ NHAİ
TỈNH THÁI NGUYÊN
Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-3-2022
V/v xin ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hương.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Triệu Thị Xuân và ông Hoàng Văn Thảo.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thu Uyên.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2021/TLST ngày 12 tháng 11 năm 2021 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đạt A, sinh năm 1974.

Trú tại: Xóm LG, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

(có mặt)

Bị đơn: Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1979.

Trú tại: Xóm LG, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Tày; Văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

(vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Đạt A khai: Anh và chị P kết hôn năm 1997 đăng ký kết hôn tại UBND xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên nhưng do bị mỗi một lâu năm nên rách nát không sử dụng được nữa. Năm 2012 vợ chồng anh đến UBND xã TX đăng ký kết hôn lại. Trước khi cưới được tìm hiểu, tự nguyện không bị ép buộc, sau khi cưới vợ chồng ở riêng, trong thời gian chung sống vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn

gì. Khoảng năm 2010 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2013 chị P đi làm ảnh hưởng đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị P thường xuyên vắng nhà thỉnh thoảng mới về thăm con và khi gia đình có công việc. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị P.

Về con chung: Anh A và chị P có một con chung là Nguyễn Hoàng Nhã U, sinh ngày 13/10/1998 hiện nay cháu đã trưởng thành anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tài sản chung anh chị có một ngôi nhà xây cấp 4 làm năm 2007, một thửa đất thổ cư 140m², một thửa đất màu 426,8m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai vợ chồng và một số tài sản sinh hoạt trong gia đình. Anh sẽ tự thỏa thuận với chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Hoàng Thị P: Sau khi nhận được đơn khởi kiện của anh A quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng chị P không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Ngày 07/12/2021, Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai đã tiến hành xác minh tại UBND xã TX, Công an xã TX, ban xóm LG và gia đình chị P xác định được các giấy triệu tập của Tòa án đã giao nhận hợp lệ cho chị P, hiện nay chị P vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương chưa cắt chuyển hộ khẩu tạm vắng đi đâu, các giấy triệu tập gia đình nhận đã thông báo cho chị P biết. Do vậy HĐXX vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên toà: Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà phù hợp với các quy định của pháp luật, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Việc giải quyết vụ án: Xét thấy anh Ánh và chị Phụng kết hôn năm 1997 đăng ký kết hôn tại UBND xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên, do giấy chứng nhận kết hôn bị mất một không sử dụng được năm 2012 anh chị đã đi đăng ký kết hôn lại nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh A, cho anh A được ly hôn chị P. Về con chung anh chị có một con chung là Nguyễn Hoàng Nhã U, sinh ngày 13/10/1998 hiện nay cháu đã trưởng thành anh không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án bị đơn là chị Hoàng Thị P có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xóm LG, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh A và chị P là cuộc hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Bởi lẽ trước khi kết hôn hai bên được tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn hai bên chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Từ năm 2010 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2013 chị P ra ngoài làm ăn không quan tâm, chăm lo cuộc sống cho gia đình, không có ý định về sống cùng anh A nữa. Hiện nay vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2013 đến nay.

Ngày 12/11/2021 Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đã thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của anh A về việc xin ly hôn đối với chị P. Ngày 07/12/2021, Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai đã tiến hành xác minh tại UBND xã TX, Công an xã TX, ban xóm LG và gia đình chị P xác định được các giấy triệu tập của Tòa án đã giao nhận hợp lệ cho chị P, xác định được hiện nay chị P vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương chưa cắt chuyển khẩu tạm vắng đi đâu. Các giấy triệu tập gia đình chị P đã nhận và thông báo cho chị P biết, nhưng chị P vẫn trốn tránh không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay HĐXX xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh A và chị P bị sút mẻ ngày càng căng thẳng trầm trọng, mọi quan hệ vợ chồng đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh A xin được ly hôn chị P.

[3]. Về con chung: Hiện nay con của anh chị là Nguyễn Hoàng Nhã U, sinh ngày 13/10/1998 đã trưởng thành HĐXX xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Tài sản chung anh chị có có một ngôi nhà xây cấp 4 làm năm 2007, một thửa đất thổ cư 140m², một thửa đất màu 426,8m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai vợ chồng và một số tài sản sinh hoạt trong gia đình. Anh A đề nghị tự thỏa thuận chia nhau, HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Nợ chung: Anh A khai vợ chồng không có nợ chung, HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Buộc anh A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Bởi lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1- Về quan hệ vợ chồng: Cho anh Nguyễn Đạt A được ly hôn chị Hoàng Thị P.

2- Về con chung: Cháu Nguyễn Hoàng Nhã U, sinh ngày 13/10/1998 hiện nay đã trưởng thành HĐXX xem xét giải quyết.

3- Về tài sản chung: Không yêu cầu, HĐXX không xem xét giải quyết.

4- Về nợ chung: Không có, HĐXX không xem xét giải quyết.

5- Về án phí: Buộc anh Nguyễn Đạt A phải chịu 300.000^d án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0004839 ngày 12 tháng 11 năm 2021.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết tại UBND xã.

Nơi nhân:

- VKS, THA;
- UBND xã TX;
- Các đương sự;
- Lưu HSA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Hương